TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST Ngày: 21-6-2018 V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi .

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm 1980; HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn bà D vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018, bản tự khai ngày 26/3/2018, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông T) trình bày*:**

Trước đây ông T và bà D là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định số 85/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2016 của TAND huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình

Dương. Khi ly hôn, ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 02/4/2003 và Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009, bà D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ khi ly hôn đến nay, ông T vẫn chăm sóc các con chung. Tuy nhiên hiện nay vật giá tăng cao, các con đi học tốn nhiều chi phí, một mình ông T không đủ điều kiện để lo cho con tốt được. Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018, ông T khởi kiện yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông T chỉ yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Đức T1 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông T cho biết bà D hiện tại đang làm công nhân tại Khu công nghiệp R thuộc ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương với lương thu nhập hàng tháng khoảng hơn 4.000.000 đồng, còn bà D làm cụ thể ở công ty nào thì ông T không rõ.

Chứng cứ nguyên đơn ông T giao nộp: 01 bản sao giấy CMND và Sổ hộ khẩu của nguyên đơn; giấy khai sinh cháu Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009; 01 bản sao bản sao Quyết định số 85/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2016 của TAND huyện Dầu Tiếng, bản tự khai ngày 26/3/2018 của nguyên đơn. Ngoài ra, ông T không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Theo đơn bản tự khai ngày 11/4/2018; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ biên bản hòa giải ý kiến của bị đơn (bà D) thể hiện*:**

Trước đây, bà D với ông T là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết số 85/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2016 của TAND huyện Dầu Tiếng . Khi ly hôn, ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 02/4/2003 và Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009, bà D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ sau khi ly hôn cho đến nay, ông T vẫn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thanh H và Lê Đức T1. Nay, ông T yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi thì bà D không đồng ý. Vì hiện tại bà D đang thất nghiệp không có việc làm ổn định nên không có đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa, bị đơn bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Chứng cứ bị đơn bà D giao nộp: Bản tự khai ngày 11/4/2018 của bị đơn bà D. Ngoài ra, bà D không cung cấp chứng cứ và không có yêu cầu , tranh chấp gì khác.

**** Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện***:

Theo kết quả xác minh ngày 03/5/2018 tại nơi bà D cư trú có sự xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện: Bà D có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; công việc hiện tại của bà D mà địa phương nắm được là bà D bán quán cà phê, nhưng bà D bán cà phê ở đâu thì địa phương không xác định được; không nắm được thu nhập hàng tháng của bà D.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến*:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà D theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Trung có mặt. Bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông T khởi kiện tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con với bị đơn bà D. Bị đơn bà D có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương do đó vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung".

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018, ông T khởi kiện tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung với bị đơn bà D với yêu cầu cụ thể là bà D phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông T chỉ yêu cầu bà D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đức T1 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội

đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn ông T: Theo Quyết định số 85/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2016 của TAND huyện Dầu Tiếng thì ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 02/4/2003 và Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009, bà D không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, ông T khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Đức T1 mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông T là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, bà D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5] Về thu nhập, ông T xác định bà D đang làm công nhân tại Khu công nghiệp R thuộc ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương với thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Bà D xác định hiện đang thất nghiệp nên không có thu nhập. Qua xác minh tại địa phương, bà D hiện đang bán quán cà phê, còn bán cà phê ở đâu và thu nhập bao nhiêu thì không rõ. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh tại chính quyền nơi bà D cư trú, không thể xác định được bà D hiện làm công việc gì, thu nhập như thế nào. Căn cứ mặt bằng đời sống chung của nhân dân trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, cần buộc bà D phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 700.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần nội dung giải quyết vụ án, các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

[7] Bị đơn bà D phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của ông Lê Đức T đối với bà Nguyễn Thị D, xử lý cụ thể như sau:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009 với mức 700.000 đồng/tháng (bảy trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà D còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Việc cấp dưỡng nuôi con chung theo bản án này thay thế một phần việc không cấp dưỡng nuôi con chung đối với Lê Đức T1, sinh ngày 17/4/2009 theo Quyết định số 85/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng , tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/6/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo đúng quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng